

Bản án số: 29/2021/DS-PT

Ngày: 29/11/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng hợp tác.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thắm.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Ông Phan Minh Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Duy Phương là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:**  
Bà Lữ Thị Xuân Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp thực hiện nghĩa vụ dân sự.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1976 (Có mặt).

Cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện T, Bình Định.

**- Bị đơn:** Ông Võ Văn Th, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Đồng trú tại: Thôn 3, xã B, huyện T, Bình Định.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Lý Phùng Đ, sinh năm 1949 (Vắng mặt).

Cư trú tại: Thôn Th, xã B, huyện T, Bình Định.

**- Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Lê Thị H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:*

Bà H và bà Lê Thị Đ là hai chị em ruột. Khoảng năm 2006, Bà và ông L Phùng Đ, ông Võ Văn Th (chồng của bà Đ) thỏa thuận trồng chung 16 sào keo tại khu đất nghĩa địa thuộc thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (trong đó 10 sào trồng keo, 06 sào trồng bạc hà). Cây giống do mua keo của ông Văn Ngọc Th ở cùng địa phương với số tiền 400.000 đồng nhưng ông Th giảm giá còn 380.000 đồng. Tham gia trồng keo, bạc hà vào ngày đầu tiên có Bà, ông Đ và một người Bà thuê, trồng keo ngày thứ hai có Bà, ông Đ, bà Đ và 01 người do Bà thuê. Năm 2008, Bà phát hiện ông Đ, ông Th bán keo lần đầu tiên, đến năm 2013 thì Bà tiếp tục phát hiện ông Th, ông Đ tiếp tục bán keo và bạc hà nên số cây keo và bạc hà mà Bà cùng trồng vào năm 2006 đã không còn. Từ khi Bà phát hiện vụ việc cho tới nay Bà không báo cáo chính quyền địa phương, Bà chỉ tới nhà yêu cầu ông Th trả tiền. Đến ngày 07/11/2017, Bà mới báo chính quyền giải quyết.

Bà thống nhất với số tiền mà ông Th, ông Đ bán keo vào năm 2006 là 18.000.000 đồng, ông Đ đã nhận 6.000.000 đồng, còn lại 12.000.000 đồng ông Th, bà Đ đã nhận và đang quản lý nhưng không chia tiền cho Bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Th, bà Đ phải trả cho Bà 6.000.000 đồng.

*Bị đơn ông Võ Văn Th và bà Lê Thị Đ đồng trình bày:*

Bà H là em gái ruột của bà Đ. Vào năm 2006, Ông Bà và ông Lý Phùng Đ thỏa thuận trồng chung 13 sào keo tại khu đất nghĩa địa thuộc thôn Th, xã B, huyện T, Bình Định. Các bên thống nhất thỏa thuận vợ chồng Ông Bà có 2 phần công nên được chia 02 phần lợi nhuận, ông Đ được chia 01 phần lợi nhuận. Đất trồng keo là đất hoang do Ủy ban nhân dân xã B quản lý, Ông Bà đã cho san ủi đất hết 4.000.000 đồng. Cây keo giống là của ông Văn Ngọc Th cho để trồng chứ không phải mua. Trong 02 ngày trồng keo có bà H và 01 người bạn của bà H tới trồng, bà H tới trồng keo là do bà Đ rủ. Toàn bộ diện tích đất trồng cây có mật độ là 400 cây/1 sào. Số cây mà ông Th cho không đủ trồng kín 13 sào đất nên ông có mua thêm của ông Đào L với giá 400.000 đồng để trồng, tiền mua cây giống là do bà Đ trả. Đến năm 2011, Ông Bà và ông Đ thống nhất bán số cây keo đã trồng vào năm 2006 được 18.000.000 đồng. Ông Bà chia cho ông Đ 6.000.000 đồng, ông bà nhận 12.000.000 đồng. Tại thời điểm đó bà Huệ ở nhà vợ chồng Ông Bà, bà H phụ giúp Ông Bà làm nhiều việc nên Ông Bà thống nhất cho bà H 5.000.000 đồng nhưng bà H không nhận mà đòi chia 6.000.000 đồng. Nay bà H khởi kiện Ông Bà không đồng ý mà chỉ chấp nhận trả cho bà H 02 ngày công trồng keo vào năm 2006, thời điểm đó một ngày công là 70.000 đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Phùng Đ trình bày:*

Ông có một thửa đất tại thôn Th, xã B, huyện T, Bình Định (đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trước đó, Ông cùng ông Th trồng dưa nhưng thua lỗ. Đến năm 2006, Ông với vợ chồng ông Th, bà Đ thống

nhất là trồng keo, Ông không có rủ bà H tham gia việc trồng keo. Ông chỉ giao đất, còn phần san ủi đất và mua giống cây là do vợ chồng ông Th bỏ tiền ra làm. Đến ngày trồng keo thì ông thấy có bà Huệ và 01 người phụ nữ cùng tham gia trồng cây. Năm 2011, Ông và vợ chồng ông Th thống nhất bán keo được 18.000.000 đồng, vì ông chỉ góp đất nên ông nhận 6.000.000 đồng, còn lại 12.000.000 đồng là vợ chồng ông Th nhận. Vợ chồng ông Th có chia lại cho bà H hay không thì ông không biết.

*Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc vợ chồng ông Th, bà Đ trả 6.000.000 đồng vì không có chứng cứ để chứng minh.

Công nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông Th, bà Đ về việc chấp nhận trả cho bà H 300.000 đồng tiền công 02 ngày trồng keo vào năm 2006.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, nguyên đơn bà Lê Thị H có đơn kháng cáo nội dung bản án sơ thẩm. Yêu cầu vợ chồng ông Th, bà Đ phải trả cho bà 6.000.000 đồng tiền bán keo vào năm 2006.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện đồng thời giữ nguyên kháng cáo với nội dung như trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm về mối quan hệ pháp luật và án phí sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Võ Văn Th bà Lê Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Phùng Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Lê Thị H, thấy rằng:

[2.1] Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ dân sự là không đúng; bởi lẽ: Nguyên đơn bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Võ Văn Th bà Lê Thị Đ phải chia lợi nhuận tiền bán cây keo mà

giữa hai bên đã góp vốn mua cây giống và cùng nhau đóng góp công sức trồng cây keo nên theo quy định tại Điều 504 Bộ luật Dân sự thì đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”.

[2.2] Bà H khai rằng vào năm 2006, ông Lý Phùng Đ rủ bà H với vợ chồng ông Th, bà Đ cùng nhau trồng keo và bạc hà tại khu đất nghĩa địa thuộc thôn Th, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Trong quá trình hợp tác trồng cây keo bà H khai chỉ tham gia vào việc mua cây giống và trồng keo trong 02 ngày nhưng khi ông Đ và vợ chồng ông Th bán keo vào năm 2011 thì không chia lợi nhuận cho bà H. Tuy nhiên, bà H không đưa ra chứng cứ để chứng minh về việc các bên cùng nhau thỏa thuận trồng keo, việc bà H góp tiền mua cây giống, thỏa thuận phân chia lợi nhuận sau khi bán keo như lời khai của bà Huệ mặc dù đã được Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu cung cấp chứng cứ theo Thông báo số 01/2021/TB-TA ngày 21/01/2021.

[2.3] Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy giữa bà H với vợ chồng ông Th bà Đ không có góp vốn mua cây giống trồng cây keo như lời trình bày của bà H. Mặc khác, tại các biên bản lấy lời khai ngày 14/01/2021 của ông Lý Phùng Đ và vợ chồng ông Th bà Đ đều khai thống nhất là chỉ có ông Đông cùng vợ chồng ông Th bà Đ thỏa thuận cùng nhau trồng keo chung trên thửa đất do Ủy ban quản lý, đồng thời hai bên cũng đã thỏa thuận chia lợi nhuận khi bán keo. Bà H chỉ là người làm công tham gia trồng keo trong hai ngày cùng với ông Đ và vợ chồng ông Th. Cây keo giống là do ông và vợ chồng ông Th xin của ông Võ Ngọc Th chứ không phải mua như lời trình bày của bà H.

[2.4] Từ những căn cứ trên, án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà H, sửa Bản bản án dân sự sơ thẩm về quan hệ pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án sơ thẩm công nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông Võ Văn Th bà Lê Thị Đ là vợ chồng ông Th bà Đ trả cho bà Lê Thị H 300.000 đồng tiền hai ngày công lao động nhưng không tuyên vợ chồng ông Th bà Đ phải chịu án phí là không đúng theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do đó, Hội đồng xét xử sửa phần án phí dân sự sơ thẩm, buộc vợ chồng ông Võ Văn Th bà Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng.

[4] Về án phí phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, nguyên đơn bà Lê Thị H không phải chịu.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H. Sửa Bản án sơ thẩm về quan hệ pháp luật và tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 504 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H yêu cầu ông Võ Văn Th bà Lê Thị Đ phải trả cho bà H số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

2. Công nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông Võ Văn Th bà Lê Thị Đ về việc ông Th, bà Đ trả cho bà Lê Thị H 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền hai ngày công lao động.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006939 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T. Ông Võ Văn Th bà Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Huệ không phải chịu. Hoàn trả cho bà Lê Thị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006859 ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND Huyện T;
- CCTHADS Huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Đỗ Thị Thắm**